

Ngày: 02/11/11

Bổ môn Vest May

Chúa có gile

Bộ đề Co So Hoan Tat Phần Lựa chọn

1. Xơ nhân tạo thuộc nhóm cellulose tái sinh gồm: (A)
A Viscose, cupro, modal
B Cupro, modal, acetat
C Viscose, alginat, casein
D Acrylic, cupro, modal
2. Các phân tử trong xơ cellulose liên kết với nhau bằng lực Vandecvan, liên kết hydro, liên kết hóa học, liên kết glucozit. Trong đó liên kết có năng lượng liên kết lớn nhất là: (C)
A Vandecvan
B Glucozit
C Hóa học
D Hydro
3. Các phân tử trong xơ cellulose liên kết với nhau bằng lực Vandecvan, liên kết hydro, liên kết hóa học, liên kết glucozit. Trong đó liên kết có ảnh hưởng đến tính nhiệt dẻo của xơ là: (B)
A Vandecvan
B Hydro
C Hóa học
D Glucozit
4. Xơ dễ bị ô-xy hóa khi gia công chế biến là (A)
A Cellulose, polyamit
B Cellulose, polyester
C Polyester, acrylic
D Acrylic, polyamit
5. Vật liệu dễ bị xút phá hủy là (A)
A Len, acetat
B Polyester, polypropylen
C Cotton, viscose
D Cotton, polyester
6. Vật liệu dệt kém bền khử như (D)
A Polyester, cellulose
B Polyamit, polyester
C Len, polyamit
D Len
7. Các phân tử trong xơ cellulose liên kết với nhau bằng lực Vandecvan, liên kết hydro, liên kết hóa học, liên kết glucozit. Trong đó liên kết có năng lượng liên kết nhỏ nhất là: (A)
A Vandecvan
B Hydro
C Hóa học
D Glucozit
8. Trong số các loại xơ lanh, đay, bông, vixcose, xơ có độ polymer hóa (DP) cao nhất là (A)
A Lanh
B Đay
C Bông
D Viscose
9. Xơ có khả năng tăng bền khi ướt là: (A)
A Cotton
B Viscose
C Polyester
D Len
10. Ortho cortex và para cortex là thành phần chính trong xơ (A)
A Len
B Đay
C Polyamit
D Acrylic
11. Xơ có cấu trúc liên kết ngang giữa các đại phân tử là: (A)
A Len
B Acrylic
C Polyamit
D Paramit
12. Những xơ thuộc nhóm xơ nhiệt dẻo như: (A)
A Polyamit, polyester, acrylic, acetat
B Polyester, acrylic, len, acetat
C Polyamit, casein, acrylic, acetat
D Cotton, polyester, acetat, lyocell
13. Những xơ thường áp dụng công nghệ định hình ướt là: (A)
A Polyamit, len
B Cotton, polyester
C Polyamit, polyester
D Len, cotton
14. Acrylonitrile tạo copolyme với các monome khác khi sản xuất xơ nhân tạo với quy ước thương mại sau: (A)
A Khi tỷ lệ PAN lớn hơn 85% được gọi là xơ acrylic. Khi tỷ lệ PAN nhỏ hơn 85% gọi là modacrylic.
B Khi tỷ lệ PAN lớn hơn 65% được gọi là xơ acrylic. Khi tỷ lệ PAN nhỏ hơn 65% gọi là modacrylic.
C Khi tỷ lệ PAN lớn hơn 75% được gọi là xơ acrylic. Khi tỷ lệ PAN nhỏ hơn 65% gọi là modacrylic.
D Khi tỷ lệ PAN lớn hơn 25% được gọi là xơ acrylic. Khi tỷ lệ PAN nhỏ hơn 25% gọi là modacrylic.

15. Khi gia công vải có cài (pha) thành phần polyurethane đàn hồi, cần lưu ý: (A)
 A Tránh dùng chất oxy hóa để tẩy trắng, tránh dính bẩn dầu mỡ
 B Cần dùng chất oxy hóa để tẩy trắng mới bảo đảm sạch vết dính dầu mỡ
 C Không được dùng chất khử để tẩy trắng
 D Khi nhuộm chế phẩm, phải nhuộm cả thành phần polyurethane đàn hồi
16. Dưới góc độ màu, nguồn sáng được đặc trưng bởi ba (3) yếu tố: (A)
 A Sắc, độ thuần sắc và độ sáng
 B Màu, sắc và độ sáng
 C Màu đỏ, màu xanh và màu vàng
 D Màu trắng, màu đen và không màu
17. Khi ánh sáng chiếu tới thuốc nhuộm hay pigment, một số dải sóng trong phổ bị hấp thụ. (A)
 A Màu của thuốc nhuộm hay pigment là màu của những dải sóng còn lại sau hấp thụ.
 B Màu của thuốc nhuộm hay pigment là màu của những dải sóng đã bị hấp thụ.
 C Màu của thuốc nhuộm hay pigment là màu của những dải sóng chiếu tới nó.
 D Màu của thuốc nhuộm hay pigment không liên quan đến sự hấp thụ.
18. Mức độ gần gũi của kết quả đo màu trong các hệ không gian màu khác nhau so với quan trắc bằng mắt người xếp theo thứ tự tăng dần như sau: (A)
 A CIELAB, CIELCH, CMC (2:1)
 B CIELCH, CIELAB, CMC (2:1)
 C CMC (2:1), CIELAB, CIELCH
 D CMC (2:1), CIELCH, CIELAB
19. Chọn mệnh đề phù hợp nhất trong các phát biểu sau: (B)
 A Thuốc nhuộm là một dạng hóa chất có cấu trúc xác định, ứng với mỗi cấu trúc khác nhau sẽ cho màu khác nhau.
 B Thuốc nhuộm không phải là sản phẩm thuần khiết hóa học. Bên cạnh chất màu, luôn có tạp chất, chất phụ liệu để tăng tính sử dụng.
 C Thuốc nhuộm là một hợp chất có màu dùng để nhuộm màu cho vật liệu dệt.
 D Muốn nhuộm màu gì cho vải, ta phải dùng thuốc nhuộm màu đó.
20. Thuốc nhuộm tan, có ion mang màu tích điện dương, chủ yếu nhuộm xơ acrylic. Đó là thuốc nhuộm: (A)
 A Cation
 B A xít
 C Bazo
 D Anion
21. Thuốc nhuộm có thể dùng nhuộm len, tơ tằm, polyamid là: (A)
 A Hoạt tính, phức kim loại và a xít
 B Hoàn nguyên, phân tán và hoạt tính
 C Trực tiếp, hoàn nguyên và sulphur
 D Phức kim loại, bazo và pigment
22. Danh pháp thuốc nhuộm gồm 3 phần: phần chỉ tên thương mại, phần chỉ màu và phần mở rộng. Trong đó phần quan trọng nhất với cán bộ kỹ thuật nhuộm là (C)
 A Phần chỉ tên thương mại
 B Phần chỉ màu
 C Phần mở rộng
 D Không xác định
23. Chất oxy hóa dùng để (A)
 A Tẩy trắng vải, làm tác nhân nhuộm hoàn nguyên và sulphur,...
 B Bảo vệ thuốc nhuộm, giặt sau làm bóng,...
 C In hoa (công nghệ in đốt), hồ hoàn tất,...
 D Giữ hồ sợi dọc, nấ vãi cotton,...
24. Trong xưởng nhuộm, chất khử dùng để: (A)
 A Phá hủy chất màu, tẩy trắng, ...
 B Bảo vệ vải khỏi bị oxy hoá, làm bóng, ...
 C Hoà tan thuốc nhuộm (hoàn nguyên, lưu hóa), hồ hoàn tất,...
 D Giặt khử thuốc nhuộm phân tán, khử bỏ dầu mỡ trên vải,...
25. Trong số chất trợ cho tiền xử lý, có chất khử tàn H₂O₂. Chất này được dùng để: (A)
 A Loại bỏ tàn dư Hydrogen peroxyd sau tẩy trắng
 B Khử tạp chất trước khi tẩy trắng
 C Giữ cho phản ứng oxy hóa xảy ra êm dịu
 D Thúc đẩy phản ứng xảy ra mạnh hơn
26. Chất làm chậm trong nhuộm acrylic hoạt động theo cơ chế: (A)
 A Chiếm giữ tạm các tâm hoạt động trên xơ hoặc liên kết tạm với thuốc nhuộm rồi sau đó giải phóng từ từ.
 B Chiếm giữ các tâm hoạt động trên xơ và làm xơ dao động mạnh hơn
 C Liên kết tạm với thuốc nhuộm và làm chậm dao động của thuốc nhuộm
 D Tạo pH môi trường kiềm mạnh giảm tốc độ bắt màu

27. Chất tẩy rửa là chất hoạt động bề mặt, có tác dụng: (A)
 A Loại bỏ chất bẩn dạng dầu, dạng keo ra khỏi vải
 B Loại bỏ thuốc nhuộm dư, không liên kết bám trên vải
 C Tẩy trắng vết bẩn có màu
 D Kích hoạt bề mặt chống lại dính bẩn
28. Theo bản chất ion, có 3 loại chất tẩy rửa: anion, cation và non-ion. Loại được dùng phổ biến nhất trong ngành nhuộm là: (A)
 A Anion
 B Non-ion
 C Cation
 D Anion và cation
29. Hãy chỉ ra mệnh đề sai khi nói về tác hại của nước cứng: (A)
 A Giảm hoạt độ của enzyme. Giảm hiệu lực của axit,
 B Giảm tốc độ nhuộm, gây loang màu.
 C Gây hại cho hóa chất hoàn tất,
 D Gây cặn bám trên thành lò hơi làm giảm hiệu suất truyền nhiệt.
30. Trong các giải pháp công nghệ sau, giải pháp nào không áp dụng làm mềm nước: (C)
 A Dùng nước vôi, xút và natri carbonat
 B Dùng chất tạo phức
 C Dùng chất khử trong môi trường kiềm
 D Dùng natri photphat
31. Tiền xử lý là giai đoạn chuẩn bị vật liệu cho nhuộm, trong đó có công đoạn nấu. (A)
 A Nấu là giai đoạn làm sạch hóa học vải
 B Nấu là bước công nghệ tạo sự đồng đều các polymer
 C Nấu là bắt buộc đối với tất cả các loại vật liệu
 D Nấu là loại bỏ tạp chất có màu trên xơ
32. Tạp chất tự nhiên trong xơ dệt là sáp, dầu, mỡ, mảnh thực vật hay sericin. Trong đó, (A)
 A Sericin có rất nhiều trong tơ tằm
 B Sericin có trong len cashmir
 C Dầu có rất nhiều trong tơ tằm
 D Sáp có rất nhiều trong len
33. Trên vải mộc, ngoài tạp chất thiên nhiên còn có tạp chất công nghệ, như (A)
 A Dầu kéo sợi, chất chống tĩnh điện và chất hồ.
 B Dầu kéo sợi, sáp và chất hồ hoàn tất.
 C Chất chống tĩnh điện, chất hồ và chất giặt.
 D Chất chống tĩnh điện, chất làm mềm và chất bôi trơn.
34. Kiểm tra phân loại vải mộc trước khi chế biến là bước công nghệ nhằm: Phân chia vải đúng loại, lấy vải đúng kích thước, đúng cấu trúc, may nối các tấm vải và... (A)
 A Tẩy vết bẩn cục bộ trên mặt vải
 B Đánh dấu biên vải
 C Loại bỏ mẫu kim loại trên máy
 D Xén đầu xơ
35. Chỉ ra lựa chọn không phù hợp với mục đích công nghệ đốt lông: (D)
 A Làm cho bề mặt vải trơn, mượt hơn, bộc lộ kiểu dệt rõ hơn.
 B Tạo thuận lợi cho quá trình nấu tẩy và nhuộm tiếp sau.
 C Tránh vỡ mép nét in do các xơ bị mất đi trong quá trình sử dụng.
 D Giảm hiện tượng vải nhàu do ma sát trong quá trình giặt và sử dụng.
36. Khi giữ hồ sợi dọc dùng chất hồ PVA, cần lưu ý tránh giữ trong môi trường: (A)
 A Kiềm vì nó gây keo tụ chất hồ
 B A xít vì nó gây keo tụ chất hồ
 C Chất oxy hóa vì nó gây vàng vải
 D Chất khử vì nó gây cứng vải
37. Giai đoạn công nghệ nhằm: (i) hoà tan tạp chất tan; (ii) phá huỷ chất đơn giản; (iii) xà phòng hoá các chất dầu thực vật và (iv) nhũ hoá dầu khoáng; là công đoạn: (A)
 A Nấu
 B Tẩy
 C Giặt
 D Làm bóng
38. Là công nghệ làm bóng phổ biến ở Việt Nam là: (B)
 A Gia công vải bông bằng dung dịch xút đậm đặc (25%) ở nhiệt độ thấp (18 oC) trạng thái căng kéo trong thời gian ngắn,
 B Gia công vải bông bằng dung dịch xút đậm đặc (25%) ở nhiệt độ trung bình (45 oC) trạng thái căng kéo trong thời gian ngắn,
 C Gia công vải polyester bằng dung dịch xút đậm (5%) ở nhiệt độ cao (98 oC),
 D Gia công vải bông bằng dung dịch xút loãng ở nhiệt độ thấp trong trạng thái căng kéo

39. Công nghệ tiền xử lý làm cho xơ cotton tăng độ hút ẩm và tăng khả năng thu hút thuốc nhuộm gồm (A)
- A Làm bóng và nấu
 - B Giặt tẩy và làm bóng
 - C Nấu và nhiệt định hình
 - D Giữ hồ và đốt lông
40. Cán a xít là công nghệ áp dụng cho vải dệt từ (A)
- A Xơ len
 - B Xơ lanh
 - C Xơ polyamit
 - D Xơ cotton
41. Những công nghệ tiền xử lý: (1) làm bóng, (2) giảm trọng, (3) chuội keo, (4) carbon hóa được lần lượt áp dụng tương ứng cho vải theo thứ tự sau: (A)
- A (1) vải cotton, (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải len.
 - B (1) vải len, (2) vải polyester, (3) vải tơ tằm, (4) vải cotton,
 - C (1) vải polyester, (2) vải tơ tằm, (3) vải cotton, (4) vải len.
 - D (1) vải tơ tằm, (2) vải cotton, (3) vải polyester, (4) vải len.

The End

Thao